

Số: 148 /QĐ-UBND

Bạc Liêu, ngày 25 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (các lĩnh vực Xây dựng)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung, một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ Trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 16/TTr-SXD ngày 19 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 11 (mười một) thủ tục hành chính năm 2021 được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, các lĩnh vực: Xây dựng (kèm Phụ lục).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định:

- Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 1938/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu;

- Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 20/8/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Giám đốc Sở Văn hóa, Thông tin, Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC-VPCP (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Tr.Phòng KSTTHC;
- Tr. Phòng TH;
- Tr. Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT; KSTTHC (Thủy-014)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Tấn Cận

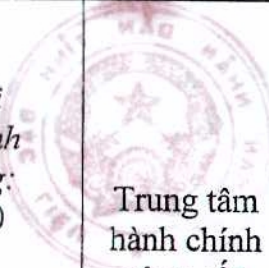


Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NĂM 2021 ĐƯỢC CHUẨN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẠC LIÊU**
(các lĩnh vực Xây dựng)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 148 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bạc Liêu)

Số TT	Mã số TTHC (Trên Cổng dịch vụ công quốc gia)	Tên thủ tục hành chính	Cách thức thực hiện	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC: HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (08 TTHC)							
1	1.009994. 000.00.00. H04	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	- Trực tiếp; - Trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ: https://dichvuco.ng.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	- Đối với công trình xây dựng: Trong 20 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ: Trong 15 ngày.	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Phí: - 50.000 đ đối với nhà ở riêng lẻ; - 100.000 đ đối với công trình khác	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2	1.009995. 000.00.00. H04	Thủ tục Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xây dựng: Trong 20 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ: Trong 15 ngày. 	 Trung tâm hành chính công cấp huyện	Phí: - 50.000đ đối với nhà ở riêng lẻ - 100.000đ đối với công trình khác	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
3	1.009996. 000.00.00. H04	Thủ tục Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xây dựng: Trong 20 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ: Trong 15 ngày. 	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Phí: - 50.000đ đối với nhà ở riêng lẻ - 100.000đ đối với công trình khác	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
4	1.009997. 000.00.00. H04	Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	<ul style="list-style-type: none"> - Trực tiếp; - Trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình xây dựng: Trong 20 ngày. - Đối với nhà ở riêng lẻ: Trong 15 ngày. 	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Phí: - 50.000đ đối với nhà ở riêng lẻ - 100.000đ đối với công trình khác	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014; - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

		giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	https://dichvucong.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	<i>ở riêng lẻ:</i> Trong 15 ngày.		công trình khác	- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
5	1.009998. 000.00.00. H04	Thủ tục Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	- Trực tiếp; - Trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Trong 05 ngày	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Lệ phí: 10.000đ/ Giấy phép	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
6	1.009999. 000.00.00. H04	Thủ tục Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và	- Trực tiếp; - Trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Trong 05 ngày	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Phí: - 50.000đ đối với nhà ở riêng lẻ; - 100.000đ đối với công trình khác.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

		nhà ở riêng lẻ.					
7	1.009992. 000.00.00. H04	Thủ tục Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	- Trực tiếp; - Trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	- Dự án nhóm A không quá 35 ngày; - Dự án nhóm B không quá 25 ngày; - Dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Phụ lục 1	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
8	1.009993. 000.00.00. H04	Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	- Trực tiếp; - Trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	- Không quá 40 ngày đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với các công trình còn lại.	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Phụ lục 2: Phụ lục 3.	- Luật Xây dựng năm 2014; - Luật 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

II. LĨNH VỰC: QUY HOẠCH XÂY DỰNG, KIẾN TRÚC (02 TTHC)

01	1.003141. 000.00.00.H0 4	Thủ tục Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Trực tiếp	Trong 40 ngày (thời gian thẩm định là 25 ngày, thời gian phê duyệt 15 ngày)	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Phụ lục 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị. - Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số chi tiết về quy hoạch xây dựng.
02	1.002662. 000.00.00. H04	Thủ tục thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Trực tiếp	- Đối với thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh quy hoạch chi tiết (theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Phụ lục 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Nghị định số

				<p>và Nghị định số 37/2010/NĐ-CP):</p> <p>Trong 35 ngày (thời gian thẩm định là 20 ngày, thời gian phê duyệt 15 ngày)</p> <p>- Đối với thẩm định nhiệm vụ, điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng khu chức năng, điểm dân cư nông thôn (theo quy định của Luật Xây dựng và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP):</p> <p>Trong 25</p>		<p>37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.</p> <p>- Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định một số chi tiết về quy hoạch xây dựng.</p>
--	--	--	--	---	--	--

				ngày (thời gian thẩm định là 15 ngày, thời gian phê duyet 10 ngày)			
3	1.008455. 000.00.00. H04	Thủ tục Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	- Trực tiếp; - Trực tuyến mức độ 3 tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn ; - Dịch vụ bưu chính công ích.	Trong 15 ngày	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Không quy định	- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009; - Luật 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch.

Tổng số: 11 thủ tục hành chính¹./.

¹ Mức 3: 09; Mức 4: 0

PHỤ LỤC 1

I. Thẩm định dự án

- Thu phí thẩm định theo Thông tư 209/2016/TT-BTC (Bảng sau)

Phí thẩm định = Tổng mức đầu tư x hệ số%

1. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1,000	2,000	5,000	≥ 10.000
Tỷ lệ %	0.019	0.017	0.015	0.0125	0.01	0.0075	0.0047	0.0025	0.002	0.001

2. Phí thẩm định thiết kế cơ sở: (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác): Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

Ví dụ: Tổng mức đầu tư của 1 dự án trình là 49.577.087.000 đồng

Thu phí thẩm định dự án: 49.577.087.000 đồng * 0,015% = 7.436.563 đồng

PHỤ LỤC 2

II. Thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật

- Thời gian giải quyết: 24 ngày làm việc (thời gian thẩm định 19 ngày)

- Thu phí thẩm định theo Thông tư 209/2016/TT-BTC (Bảng sau)

Phí thẩm định = Tổng mức đầu tư x hệ số%

1. Phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng

Tổng mức đầu tư dự án (tỷ đồng)	≤ 15	25	50	100	200	500	1,000	2,000	5,000	≥ 10.000
Tỷ lệ %	0.019	0.017	0.015	0.0125	0.01	0.0075	0.0047	0.0025	0.002	0.001

2. Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở: (đối với các dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách, dự án PPP và dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn khác): Mức phí thẩm định thiết kế cơ sở bằng 50% mức phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng tại điểm 1 Biểu mức thu.

Ví dụ: Tổng mức đầu tư của 1 dự án trình là 277.588.000 đồng
 Thu phí thẩm định dự án: 277.588.000 đồng x 0.019% = 52.742 đồng

PHỤ LỤC 3

III. Thẩm định thiết kế, dự toán

- Thời gian thẩm định không quá 30 ngày đối với công trình cấp II, III; đối với các công trình còn lại 20 ngày
- Thu phí thẩm định

Phụ lục số 2: Phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng khi cơ quan chuyên môn về xây dựng mời tổ chức tư vấn, cá nhân cùng thẩm định(Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thẩm định dự toán xây dựng đối với trường hợp thiết kế ba bước; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình đối với trường hợp thiết kế hai bước)

1. Phí thẩm định thiết kế

Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
	≤15	50	100	200	500	1.000	2.000	5.000	8.000
Công trình dân dụng	0.0495	0.033	0.0255	0.0195	0.015	0.0123	0.0087	0.0066	0.0057
Công trình công nghiệp	0.057	0.0378	0.0291	0.0225	0.0174	0.0132	0.0105	0.0078	0.0066
Công trình giao thông	0.0327	0.0216	0.0165	0.0129	0.0099	0.0075	0.0063	0.0048	0.0042
Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0.0363	0.024	0.0183	0.0144	0.0111	0.0084	0.0069	0.0051	0.0042
Công trình hạ tầng kỹ thuật	0.0378	0.0255	0.0195	0.015	0.0117	0.009	0.0078	0.0057	0.0051

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

2. Phí thẩm định dự toán xây dựng

Đơn vị tính: Tỷ lệ %

Loại công trình	Chi phí xây dựng (chưa có thuế GTGT) trong dự toán công trình hoặc dự toán gói thầu được duyệt (tỷ đồng)								
	≤15	50	100	200	500	1.000	2,000	5,000	8,000
Công trình dân dụng	0.048	0.0318	0.0249	0.0186	0.0138	0.0114	0.0084	0.0063	0.0054
Công trình công nghiệp	0.0555	0.0363	0.0282	0.0216	0.0165	0.0123	0.0099	0.0069	0.006
Công trình giao thông	0.0318	0.0204	0.0162	0.0123	0.0093	0.0072	0.006	0.0042	0.0036
Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn	0.0351	0.0228	0.018	0.0138	0.0105	0.0078	0.0066	0.0048	0.0042
Công trình hạ tầng kỹ thuật	0.0366	0.0246	0.0186	0.0141	0.0111	0.0087	0.0072	0.0051	0.0042

Phí thẩm định thiết kế BVTC (của cơ quan QLNN) = $G_{XD} \times$ hệ số%

Phí thẩm định thiết kế dự toán (của cơ quan QLNN) = $G_{XD} \times$ hệ số%

Ví dụ: $G_{XD} = 10.036.123.630$ đồng

Phí thẩm định thiết kế BVTC (của cơ quan QLNN)	G_{K7}	$G_{XD} * 0.0495\%$	4.967.881
Phí thẩm định dự toán (của cơ quan QLNN)	G_{K8}	$G_{XD} * 0.0480\%$	4.817.339